

Số: 51/2023/QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 25 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 149; Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Đình T, sinh năm 1992

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị O đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và tự nguyện có giấy chứng nhận kết hôn số 34/2019, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị O đều thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Xét thỏa thuận, thuận tình ly hôn của anh T và chị O phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị O đều trình bày vợ chồng có 01 (một) người con chung là Lê Phước L, sinh ngày 30/08/2021, hiện nay cháu L đang ở cùng chị O. Ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3]. Về tài sản và phân nợ: Lê Đình T và chị Nguyễn Thị O đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Anh, chị thỏa thuận anh Lê Đình T nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đình T và chị Nguyễn Thị O.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung của anh chị là cháu Lê Phước L, sinh ngày 30/8/2021 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị O và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản và công nợ: Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Lê Đình T phải nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000173 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THADS Triệu Sơn;
- UBND T, T
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy